

Số **158** /STNMT-KS

Bắc Kạn, ngày **28** tháng 10 năm 2015

V/v: Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình MTQG ứng phó BĐKH giai đoạn 2010 - 2015.

Kính gửi: Văn phòng Chương trình MTQG ứng phó BĐKH
(Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3470/UBND-CN ngày 03/9/2015 về việc thực hiện Văn bản số 3475/BTNMT-KTTVBĐKH của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG ứng phó với BĐKH giai đoạn 2010 – 2015 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Tổ chức thực hiện chương trình:

1. Thông tin về Ban chỉ đạo:

Ngày 26/7/2012, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ chuyên môn giúp việc thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011- 2020; Kiện toàn tại Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 với 13 thành viên Ban chỉ đạo là Lãnh đạo các Sở, ngành liên quan trên địa bàn tỉnh. Trưởng Ban chỉ đạo là ông Nông Văn Chí, phó chủ tịch UBND tỉnh.

2. Thông tin về Văn phòng Ban chỉ đạo:

Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn chưa có Văn phòng Ban chỉ đạo riêng, chỉ có cơ quan thường trực Ban chỉ đạo là Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thông tin về các văn bản chỉ đạo, điều hành:

Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020;

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó BĐKH tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường số 12 – CTr/TU ngày 06/8/2013 của Tỉnh ủy Bắc Kạn;

Kế hoạch số 80-KH/HNDT ngày 13/12/2013 của Hội nông dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 24- NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Kế hoạch số 1185/KH-SGDĐT ngày 11/7/2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo về phòng chống thiên tai, lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn năm 2013 và thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành giáo dục;

Kế hoạch số 423/KH-SGDĐT ngày 27/3/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác giáo dục, phòng chống rủi ro thiên tai và ứng phó với BĐKH trong trường học;

Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 20/3/2014 và Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch KH&CN tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020, trong đó định hướng đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng về ứng phó BĐKH, BVMT, quản lý sử dụng hợp lý tài nguyên;

Chương trình phối hợp số 204/CTPH-STNMT-HND giữa Hội Nông dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phối hợp tuyên truyền bảo vệ môi trường (giai đoạn 2011 – 2015) nhằm nâng cao nhận thức vai trò trách nhiệm của cán bộ hội viên nông dân trong các hoạt động BVMT, khai thác hợp lý sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, chống BĐKH,...;

II. Kết quả thực hiện chương trình:

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án:

Do không có kinh phí nên đến nay vẫn chưa có nhiệm vụ, dự án ưu tiên nào được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh.

2.1 Các Văn bản liên quan đến BĐKH:

Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020;

Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc bổ sung Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh giai đoạn 2011-2020;

Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 06/8/2013 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó BĐKH tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2.2 Các giải pháp ứng phó với BĐKH:

a. Giai đoạn 2011-2020:

*** Lĩnh vực nông nghiệp**

Phát triển cơ sở hạ tầng bảo vệ sản xuất: Cung cố và nâng cấp hệ thống cống, trạm bơm điện bảo đảm vững chắc bơm tưới, tiêu phục vụ kịp thời và có hiệu quả cho sản xuất;

Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất: Phát triển và sản xuất mới các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng diễn biến thời tiết và tình hình dịch bệnh. Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới phù hợp và sản xuất theo hướng bền vững tránh hủy hoại, ô nhiễm môi trường;

Thực hiện chương trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tuyên truyền phổ biến kiến thức, thông tin tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng và

hành động giảm thiểu, thích ứng của ngành nông nghiệp;

Thực hiện Khung chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xây dựng hệ thống chính sách, lồng ghép biến đổi khí hậu với chương trình của ngành;

Tiếp nhận và triển khai các đề tài, dự án trong và ngoài nước nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

*** Lĩnh vực tài nguyên nước:**

Mở rộng diện tích các hồ chứa, nâng cấp các công trình kênh mương điều tiết và hệ thống cấp - thoát nước đô thị.

Sử dụng nguồn nước khoa học và hợp lý trong sản xuất và đời sống.

Tăng cường năng lực cho cơ quan dự báo khí tượng, thủy văn và tài nguyên nước.

*** Lĩnh vực lâm nghiệp:**

Điều chỉnh các chính sách giao rừng, khoán quản vĩ mô và xã hội hóa trong trồng rừng, quản lý và bảo vệ rừng, gắn với các chính sách xã hội như giao đất, giao rừng, định canh, định cư, xóa đói giảm nghèo, khuyến khích và tạo điều kiện để người dân làm nghề rừng sống được và làm giàu bằng chính nghề rừng;

Tăng độ che phủ bằng cách trồng rừng tập trung và phân tán, trước hết là rừng đầu nguồn, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc bằng rừng. Chọn loài cây phù hợp để trồng cây ở vùng đồng bằng trong khu dân cư, cơ quan, trường học. Giảm dần tiến tới chấm dứt nhu cầu canh tác cây lương thực như lúa, bắp, mì nhằm tự túc lương thực, thay vào đó là trồng cây ăn quả lâu năm hoặc trồng rừng trên các vùng đất dốc;

Xây dựng và ban hành chính sách ưu đãi đặc thù của tỉnh Bắc Kạn về xã hội hóa trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán. Xem đây là giải pháp ưu tiên, lâu dài và hiệu quả nhằm ứng phó với hạn hán, hoang mạc hóa và thiếu nước ngày càng nghiêm trọng, do tác động của biến đổi khí hậu tại địa phương;

Tăng cường bảo vệ và phòng chống cháy rừng;

Chương trình phát triển nông thôn, miền núi. Trong đó cần có một chương trình truyền thông về nâng cao nhận thức cộng đồng về trồng cây phân tán.

*** Lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất:**

Tích cực chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất cho phù hợp đặc thù Bắc Kạn là vẫn giữ được lợi thế về sản xuất lương thực đồng thời phải đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả ngay trong mùa mưa;

Bố trí quy hoạch thành các tiểu vùng gắn với yêu cầu đầu tư thủy lợi để sản xuất 03 vụ, 02 vụ, các vùng chuyên canh, vùng sản xuất nông sản hàng hóa, vừa đảm bảo tiêu thụ nội địa vừa đảm bảo yêu cầu xuất khẩu. Nâng dần giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp sao cho cao hơn mức bình quân toàn vùng đồng thời với nâng cao hệ số sử dụng đất. Đầu tư thủy lợi của tỉnh phải phù hợp với quy hoạch thủy lợi chung của vùng Đông Bắc Bộ, gắn chặt với phát triển dân cư và giao thông nông thôn;

Đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường trong sử dụng đất, đặc biệt đối với Bắc

Kạn đang áp dụng hình thức bao đê kiểm soát lũ triệt để. Trồng rừng để phủ nhanh toàn bộ đất đồi núi chưa sử dụng và các loại đất có khả năng trồng rừng để chống rửa trôi, xói mòn, phục hồi hệ sinh thái rừng đồi núi;

Ban hành các chính sách thông thoáng, ưu đãi; đơn giản hóa thủ tục hành chính để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh cũng như nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn khai thác tiềm năng đất đai vào phát triển sản xuất nông - lâm - thủy sản; công nghiệp; du lịch và dịch vụ tạo thêm nhiều việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương và nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

Phát triển kinh tế gắn liền phát triển xã hội, xây dựng hạ tầng, phúc lợi công cộng để phục vụ sản xuất, khai thác mặt lợi nhằm sản xuất an toàn trong mùa mưa;

Đầu tư quỹ đất để giải quyết dứt điểm nhà ngập lũ, nhà tạm bợ, nhà vi phạm hành lang sông suối.

*** Lĩnh vực công nghiệp và năng lượng:**

Nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo tồn năng lượng theo hướng tiết kiệm;

Khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo như thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời...;

Tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt, trong giao thông vận tải, trong sản xuất và chiếu sáng công cộng;

Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ: sử dụng tiết kiệm, bảo tồn năng lượng phải được cải thiện và nâng cao hơn nữa trong tương lai;

*** Lĩnh vực giao thông vận tải:**

Trong các thiết kế công trình giao thông:

Phải đi tránh các khu bảo tồn thiên nhiên, hạn chế tối đa việc chiếm dụng rừng đầu nguồn;

Không sử dụng các loại vật liệu công trình làm ảnh hưởng đến môi trường;

Các công trình vượt dòng phải đảm bảo thoát nước tốt trên nền đường, tránh việc ứ đọng, đất đá trôi ảnh hưởng đến đời sống nhân dân;

Thiết kế mái dốc đảm bảo sự ổn định, có biện pháp gia cố mái dốc tránh nước mưa xói lở bề mặt nhằm hạn chế tối đa việc sạt lở về sau;

Lựa chọn vị trí đổ thải đất đá, phế liệu không gây ảnh hưởng đến môi trường;

Khi thiết kế hạn chế tối đa việc đào lấp để giảm bớt sự thay đổi địa hình.

Trong quá trình thi công:

Tất cả các dự án phải lập kế hoạch BVMT hoặc Đề án BVMT theo quy định;

Trong quá trình thi công thường xuyên tưới nước giữa độ ẩm, các xe vận chuyển vật liệu phải có bạt che chắn;

Sử dụng các phương tiện thiết bị đảm bảo có đủ tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn theo quy định.

Trong quá trình khai thác:

Không sử dụng các loại vật tư gây ảnh hưởng tới môi trường trong công tác bảo trì đường bộ;

Thường xuyên khơi thông các công trình cầu cống để đảm bảo thoát nước, không gây ách tắc dòng chảy của sông suối;

Các phương tiện tham gia giao thông được định kỳ kiểm định về nồng độ khí thải và tiếng ồn;

Nếu phát sinh sạt lở cần triển khai ngay công tác khắc phục để tránh việc trôi đất đá làm ô nhiễm nguồn nước, mất an toàn giao thông.

*** Lĩnh vực sức khỏe cộng đồng:**

Tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe từ cấp tỉnh đến cấp xã, thôn;

Giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về những tổn hại đến sức khỏe do tác động của biến đổi khí hậu và biện pháp phòng tránh;

Tăng cường công tác theo dõi và giám sát dịch bệnh phát sinh do khí hậu, thời tiết thay đổi cục đoạn;

Các giải pháp can thiệp y tế khi cần thiết và ở những nơi có điều kiện chưa tốt;

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xã hội hóa. Hình thức tuyên truyền đa dạng, có chiều sâu và được phổ biến đến tận người dân ở mọi địa bàn trong tỉnh;

Tăng cường đầu tư nguồn lực cho y tế công lập;

Đẩy mạnh việc cải cách thủ tục hành chính theo hướng thông thoáng hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động xã hội hóa y tế của địa phương;

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về y tế;

Phân cấp quản lý, tăng quyền chủ động và trách nhiệm của Sở Y tế, các huyện, thành phố đối với lĩnh vực hành nghề y dược tư nhân. Tăng cường kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm.

*** Lĩnh vực giáo dục:**

Lồng ghép các nội dung về BDKH vào chương trình giáo dục các cấp học;

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn giao thông đường bộ, cách cứu nạn dưới nước; nhắc nhở học sinh đề phòng tai nạn đuối nước trong dịp hè và trong mùa lũ, lụt đặc biệt là các học sinh đi học phải qua sông, suối;

Thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ cơ sở vật chất của đơn vị, xây dựng kế hoạch và các phương án phòng chống lụt, bão cụ thể, chi tiết;

Đối với các địa bàn có nhiều sông, suối, địa hình phức tạp có nguy cơ lũ và sạt lở đất cao cần theo dõi sát diễn biến thời tiết để chủ động cho học sinh nghỉ học nhằm tránh những rủi ro cho học sinh, sinh viên khi đến trường. Đồng thời chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để có phương án làm vệ sinh môi trường khi

xảy ra bão, lũ nhằm nhanh chóng đưa các cơ sở giáo dục trở lại hoạt động bình thường, có phương án bố trí thời gian học bù cho học sinh, sinh viên phải nghỉ học do bão, lũ gây ra;

Tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành giáo dục giai đoạn 2011-2020 đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 08/9/2011.

b. Giai đoạn sau năm 2020:

Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của địa phương;

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến tới cộng đồng dân cư kiến thức về BDKH và các biện pháp ứng phó với BDKH;

Lồng ghép nội dung về BDKH và ứng phó với BDKH vào Quy hoạch của ngành, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BDKH của tỉnh giai đoạn 2020 - 2030.

*** Lĩnh vực giáo dục:**

Tiếp tục triển khai chương trình giảng dạy tích hợp lồng ghép nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào các môn học và thông qua các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp tại các trường học trên địa bàn tỉnh;

Lồng ghép nội dung, phương pháp dạy học giáo dục BVMT trong các đợt tập huấn chuyên môn;

Chỉ đạo các đơn vị trường học tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường;

Tiếp tục thực hiện chương trình, nội dung của dự án 3PAD tại một số trường Tiểu học, THCS, THPT tỉnh Bắc Kạn;

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và đánh giá công tác giáo dục BVMT gắn với phong trào xây dựng “trường học thân thiện, học sinh tích cực”, xây dựng nhà trường xanh – sạch – đẹp lồng ghép vào các đợt thanh tra, kiểm tra chuyên môn của Sở.

*** Lĩnh vực giao thông vận tải:**

Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư ngoài việc đánh giá hiệu quả dự án, tác động tới môi trường còn phải lồng ghép nội dung ứng phó BDKH. Xây dựng kế hoạch hành động để thích ứng với BDKH, cũng như kịch bản, giải pháp ứng phó với BDKH trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

2.3 Mô hình thí điểm ứng phó với BDKH:

*** Một số mô hình ứng phó BDKH đã triển khai:**

Mô hình ngô xen đậu xanh thích ứng hạn:

Mô hình này được thực hiện trên đất lúa một vụ. Trước đây khi trồng lúa nếu gặp năm ít mưa, hạn hán thì dẫn đến năng suất giảm, có thể mất trắng. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn và Trung tâm ADC đã xây dựng mô hình ngô xen cây đậu xanh thích ứng hạn tại 18/18 thôn của 2 xã Thanh Vận và Mai Lạp. Thông tin về diện tích nhân rộng mô hình được thể hiện qua bảng sau.

Năm	Diện tích (ha)	Số hộ tham gia thực hiện
2012	1,6	20
2013	13	146
2014	26	282

Trước đây, trồng lúa thì thu nhập chỉ đạt trung bình 20 triệu/ha/năm. Tuy nhiên, khi chuyển từ mô trồng lúa sang trồng đậu xanh xen ngô thì thu nhập bình quân đã tăng lên trung bình từ 40-45 triệu/ha/vụ, thu nhập ổn định hơn trồng lúa. Đặc biệt là mô hình phù hợp và thích ứng với hạn rất tốt, có thể nhân rộng mô hình ra các nơi khác hay địa phương có điều kiện khí hậu tương tự.

Mô hình gừng, cây dược liệu xen chuối trên đất dốc:

Đất trồng chuối trước đây chủ yếu là trồng ngô 2 vụ, thu nhập khoảng 20 triệu đồng/ha/năm, sau khi trừ chi phí thì lợi nhuận còn khoảng 12 triệu/ha/năm. Tuy nhiên, năng suất và thu nhập thấp hơn nhiều nếu như gặp hạn như những năm 2009, 2010 hay rét hại năm 2008, 2011. Ngoài ra, đất còn dễ bị xói mòn, rửa trôi, nhanh bạc màu, không giữ nước. Sau khi chuyển sang mô hình gừng, cây dược liệu xen chuối thì thu nhập từ mô hình đem lại khoảng 30 triệu/ha/năm, sau khi trừ chi phí còn khoảng 25 triệu/ha/năm. Thông tin về diện tích nhân rộng mô hình được thể hiện qua bảng sau.

Năm	Diện tích (ha)	Số hộ tham gia thực hiện
2011	2	25
2013	>180	200
2014	>260	280

Trong đó, thực hiện mô hình trồng gừng, cây dược liệu xen chuối thí điểm là 2,2 ha trên diện tích chuối chưa khép tán trên địa bàn 2 xã Thanh Vận và Mai Lạp. Tham gia thực hiện mô hình thì có 42 hộ (6 kinh, 31 Tày, 5 Dao). Chuối có khả năng giữ nước nên có thể trồng ở trên đồi, mùa khô cây vẫn phát triển bình thường. Do vậy, rất phù hợp trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, nguồn nước tại các khe suối lân cận được cải thiện, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt hàng ngày.

Một số mô hình khác:

Tên mô hình	Thời gian thực hiện	Nội dung
Mô hình khoai tây thích ứng rét	2012 - 2014	Trồng khoai tây vào vụ Đông giúp tăng vụ. Lợi ích thu nhập từ khoai tây đạt khoảng 25 triệu/ha/vụ sau chi phí.
Mô hình sử dụng phân viên nén dúi sâu trong canh tác lúa	2013 - 2014	Sử dụng phân viên nén dúi sâu trong canh tác lúa đã góp phần tăng năng suất khoảng 30% trong khi chi phí cho phân bón giảm khoảng 17%, hiện nay đã 70% số hộ thực hiện.
Mô hình chăn nuôi thích ứng với rét	2012 - 2014	Tại Bắc Kạn tháng 1 năm 2008 có 4234 con gia súc bị chết vì rét đậm rét hại. Khoảng 1700 con gia súc bị chết trong suốt đợt lạnh kéo dài mùa đông năm 2011. Mô hình chăn nuôi thích ứng rét được thực hiện tại 02 xã Thanh Vận và Mai Lạp, huyện Chợ Mới từ năm 2012 thông qua việc tập huấn và kết hợp với KTBD thực hiện với 32 hộ tham gia mô hình. Sau khi thực hiện mô hình, qua mùa đông năm 2012 – 2013, 2013-2014 trên địa bàn 2 xã đã không có gia súc bị chết rét.
Mô hình xây lò đốt rác thải và xử lý rác thải gia đình		Mô hình do Hội phụ nữ các xã Đôn Phong (với 47 lò đốt rác thải), xã Quang Thuận (02 lò) và xã Cao Kỳ (6 lò) thực hiện góp phần làm sạch thôn xóm

Ngoài ra, còn một số mô hình khác đã được triển khai thực hiện như: mô hình đoạn đường phụ nữ tự quản, mô hình câu lạc bộ “Nói không với túi nolon”, mô hình trồng lúa thuần, nuôi lợn ta thích ứng với BĐKH.

*** Hiệu quả kinh tế:**

Mô hình tạo nên sự đa dạng các nguồn thu nhập và ổn định cho người nông dân;

Nâng cao hệ số sử dụng đất tăng hiệu quả sản xuất từ việc trồng xen nhiều loại cây trồng;

Chi phí đầu tư thấp, thời gian thu hoạch nhanh nên cho hiệu quả và năng suất cao;
Giúp người dân chủ động nguồn giống đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất
tại địa phương, giảm chi phí đầu vào cho mô hình.

*** Hiệu quả xã hội:**

Mô hình là sự kết hợp hài hoà giữa KTBD với KHKT;

Nâng cao vai trò tiếng nói của người dân tộc thiểu số;

Mô hình huy động được sự tham gia của người dân, chính quyền địa phương
và các cơ quan chuyên môn, từ đó thực hiện tốt hơn cơ chế trao đổi thông tin giữa
chính quyền địa phương và người dân;

Nâng cao vai trò của phụ nữ trong tiến trình ra Quyết định (ví dụ: Quyết định
chọn và thực hiện các mô hình sinh kế, bởi nữ giới thường là người chủ yếu chọn mô
hình, triển khai, sử dụng thu nhập có được từ sinh kế này,...);

Người dân và cán bộ chính quyền địa phương được nâng cao năng lực kỹ thuật
trong sản xuất thông qua các lớp tập huấn giúp cho người dân chủ động trong sản
xuất và tăng tính bền vững của mô hình;

Tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động nông nhàn tại địa phương, cải thiện
cuộc sống, giúp nhiều hộ đã có thu nhập ổn định, thoát nghèo, tăng thêm của cải vật
chất cho gia đình, xã hội. Giảm khả năng tổn thương cho phụ nữ, trẻ em và giảm bớt
gánh nặng lên đôi vai của phụ nữ DTTS từ các mô hình thích ứng với BĐKH, nâng
cao được năng lực thích ứng của người dân trong sản xuất nông nghiệp và giảm thiểu
thiệt hại do những tác động tiêu cực của BĐKH gây ra. Góp phần vào phát triển kinh
tế xã hội địa phương;

Các mô hình được chính người dân trải nghiệm và chính quyền địa phương, Tổ
chức CARE quốc tế tại Việt Nam, các Sở ban ngành của tỉnh đã đánh giá cao về hiệu
quả và tính thích ứng với BĐKH của các mô hình. Chính quyền địa phương hai xã đã
lồng ghép, đưa các mô hình thích ứng với BĐKH của Trung tâm ADC vào Kế hoạch
phát triển kinh tế xã hội của xã. Huyện đã định hướng cho việc phát triển và nhân
rộng mô hình.

*** Hiệu quả môi trường:**

Các mô hình khá thân thiện với môi trường do sử dụng nhiều phân hữu cơ và
bón cân đối các loại phân vô cơ, từ đó sẽ giảm nguy cơ suy thoái đất.

Tăng thêm độ che phủ đất, giảm rửa trôi, hạn chế xói mòn, giữ ẩm cho đất, giữ
nước, cải tạo đất, làm đất tơi xốp.

Trong quá trình điều tra về lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong các mô
hình cho thấy: Các hộ gia đình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật với hàm lượng thấp. Do
đó, không có lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn dư trong đất, trong sản phẩm và không
ảnh hưởng tới môi trường và chất lượng nông phẩm. Ngoài ra còn do kỹ thuật canh
tác, xác định thời vụ phù hợp nên hạn chế sâu bệnh hại.

Giảm áp lực đến rừng và đất rừng.

Không gây tác động xấu hay ô nhiễm môi trường.

*** Hiệu quả trong thích ứng với BĐKH**

Các mô hình giúp nâng cao năng lực thích ứng của người dân trong sản xuất nông nghiệp và giảm thiểu thiệt hại tiêu cực của cây trồng do BĐKH như:

Tăng cường khả năng chống chịu sâu bệnh và hạn hán của cây trồng thông qua việc xác định thời vụ hợp lý, bón phân cân đối;

Cải tạo đất nhờ sử dụng phân hữu cơ vi sinh và hệ vi sinh vật ở rễ cây họ đậu có khả năng tự tổng hợp đạm, thân lá cây họ đậu là nguồn phân bón tại chỗ, giải phóng đất kịp thời để canh tác cây trồng vụ sau.

Kỹ thuật trồng và canh tác các cây trồng trong mô hình thích hợp với điều kiện thời tiết khí hậu cực đoan, làm tăng độ che phủ mặt đất giảm xói mòn, rửa trôi đất.

Mô hình sử dụng phân chuồng/phân vi sinh kết hợp với băng cây phân xanh làm tăng khả năng cải tạo đất. Đây là cơ sở cho sự phát triển bền vững.

Mô hình sử dụng kinh nghiệm, KTBD nên người dân dễ áp dụng và nhân rộng.

2.4 Về nhận thức:

Trên địa bàn tỉnh, hiện nay khoảng 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và khoảng 60% người dân được nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu thông qua các hình thức tuyên truyền trực tiếp (hội thảo, hội nghị, tập huấn, họp cơ quan, cuộc thi,...) hoặc tuyên truyền gián tiếp (thông qua báo, đài,...)

III. Nguồn lực thực hiện Chương trình: Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

IV. Hiệu quả của Chương trình:

Thời gian qua, do khó khăn về nguồn vốn nên tỉnh chưa bố trí được kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ về BĐKH. Tuy nhiên, tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Tổ chức nước ngoài, thời gian qua Sở Tài Nguyên và Môi trường đã phối hợp với Trung tâm ADC thực hiện dự án “ Người dân tộc thiểu số ứng phó với BĐKH”. Thông tin về dự án cụ thể như sau:

Quy mô dự án: Dự án được triển khai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trong khoảng thời gian thời gian từ năm 2013 đến 2015.

Kinh phí thực hiện: Tổng ngân sách cho dự án trong 3 năm (2013, 2014, 2015) là 180,460\$ (đô).

Kết quả đạt được:

Thu thập, chọn lọc, phân tích và lựa chọn những kiến thức bản địa của người dân tộc thiểu số ở các vùng miền trong sản xuất nông nghiệp, tài liệu hóa các kiến thức này để chia sẻ, nhân rộng;

Xây dựng thành công một số mô hình sản xuất sử dụng kiến thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH làm bằng chứng về vai trò của kiến thức bản địa trong thích ứng BĐKH.

Mô hình bằng chứng về giá trị của kiến thức bản địa trong thích ứng BĐKH được thiết kế, tổ chức thực hiện và tài liệu hóa phục vụ chia sẻ và vận động chính sách;

Đối tượng thụ hưởng:

Người hưởng lợi trực tiếp bao gồm: Người dân tộc thiểu số, hộ nghèo và cận nghèo, các nhóm CBOs địa phương; Chính quyền địa phương ở hai xã Thanh Vận và Mai Lạp.

Người hưởng lợi gián tiếp gồm: người dân của tỉnh Bắc Kạn và người dân của các tỉnh khác.

V. Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện chương trình:

Do không có kinh phí nên một số nhiệm vụ, dự án đã được xác định trong Kế hoạch hành động của tỉnh nhưng chưa được triển khai trong giai đoạn 2010 – 2015. Cụ thể:

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị và cộng đồng nhân dân về tác động của BĐKH;
2. Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân thông qua ứng dụng hệ thống canh tác lúa cải tiến;
3. Nghiên cứu đối phó tai biến, trượt lở, sụt lở đất đai quốc lộ 3 và tỉnh lộ trên địa bàn;
4. Đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực các hồ chứa nước trong tỉnh;
5. Các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả;
6. Bảo tồn nền văn hóa của dân tộc thiểu số;
7. Đường cứu hộ, cứu nạn phía đông thành phố Bắc Kạn;
8. Đánh giá những biến động của BĐKH với tỉnh Bắc Kạn và các giải pháp thích nghi;
9. Điều tra xác định các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt, đề xuất giải pháp khắc phục bảo vệ;
10. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tỉnh Bắc Kạn;
11. Phát triển các nguồn năng lượng mới trên địa bàn;
12. Đánh giá ảnh hưởng của rừng phòng hộ đầu nguồn đối với thiên tai và các giải pháp phòng chống thiên tai trong tỉnh.

Tài liệu tham khảo, tranh ảnh và kinh phí để tổ chức các hoạt động ngoại khóa về BĐKH cho học sinh, sinh viên còn hạn chế;

Nhận thức về BĐKH cũng như vấn đề ứng phó BĐKH của các tổ chức, cá nhân đặc biệt là người dân còn hạn chế;

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tuyên truyền còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Chưa có kinh phí để tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu về BĐKH, chủ yếu là lồng ghép. Đa số cộng tác viên tuyên truyền đều là kiêm nhiệm, chưa có chế độ đãi ngộ nên một số chưa tâm huyết với tuyên truyền, vận động và tổ chức các phong trào về BVMT.

VI. Đề xuất, kiến nghị:

1. Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, do không có kinh phí nên đến nay chưa có dự án, nhiệm vụ nào thuộc Kế hoạch hành động triển khai, thực hiện.

Được sự giúp đỡ về mặt tài chính của tổ chức phi chính phủ (tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam) trong năm 2013, 2014, 2015 cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động là Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Trung ADC - Đại học Nông Lâm Thái Nguyên thực hiện dự án “Người dân tộc thiểu số ứng phó với BĐKH tại Bắc Kạn” trong đó đã triển khai thực hiện thành công một số mô hình sử dụng kiến thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp ứng phó với BĐKH tại 02 xã Thanh Vân và Mai Lạp, huyện Chợ Mới. Tuy nhiên, đến cuối năm 2015, dự án kết thúc. Để nhân rộng các mô hình đã thí điểm thành công, trên cơ sở kết quả đạt được, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh bổ sung Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh, bổ sung dự án “Kết hợp kiến thức bản địa với khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu” vào danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên và đã được UBND tỉnh thông qua tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 04/11/2014. Tuy nhiên, do chưa có kinh phí nên đến nay dự án vẫn chưa được triển khai. Đồng thời, Sở đã báo cáo Cục Khí tượng Thủy văn – Biến đổi khí hậu tại Văn bản số 683/STNMT-KS ngày 25/7/2014 đề nghị xem xét, giúp đỡ để tỉnh tiếp tục dự án, đến nay chưa nhận được Văn bản trả lời của Cục KTTV- BĐKH.

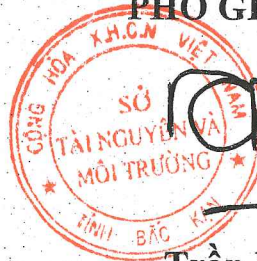
Bắc Kạn là một tỉnh miền núi nghèo, kinh tế chậm phát triển, thu ngân sách không đủ chi do đó chưa bố trí được kinh phí để thực hiện các dự án biến đổi khí hậu. Để thực hiện tốt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh, đề nghị Bộ Tài Nguyên và Môi trường quan tâm tạo điều kiện cho tỉnh thực hiện một số dự án BĐKH đồng thời kêu gọi các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ tỉnh thực hiện các dự án BĐKH.

2. Tổ chức tập huấn, cấp tài liệu, kinh phí về ứng phó BĐKH cho Sở Giáo dục và Đào tạo để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, dạy học ứng phó với BĐKH. ^{tl}

Nơi nhận:

- Như trên; - UBND tỉnh (b/c)
- Lưu: VT, KS - HS(T03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Nguyên

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 1

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG ỨNG PHÓ VỚI BĐKH GIAI ĐOẠN 2010 – 2015
(NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ)**



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ	Kinh phí được duyệt	Tổng kinh phí được giao trong giai đoạn 2010 - 2015	Tổng kinh phí thực hiện							
				Tổng cộng	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	
1	Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020	500	500	491	0	491	0	0	0	0	0
2	Đánh giá mức độ BĐKH, xây dựng kịch bản BĐKH tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020	500	500	487.8	0	487.8	0	0	0	0	0
3	Tuyên truyền về công tác phòng chống BĐKH và BVMT, sử dụng và bảo vệ nguồn nước sạch	50	50	50	5	5	10	10	10	10	10

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG ỨNG PHÓ VỚI BĐKH GIAI ĐOẠN 2010 – 2015
 (NGUỒN VỐN KHÁC)**

Đơn vị tính: USD

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kinh phí được duyệt	Tổng kinh phí được giao trong giai đoạn 2010 - 2015	Tổng kinh phí thực hiện						
				Tổng cộng	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Dự án “ Người dân tộc thiểu số ứng phó với biến đổi khí hậu tại Bắc Kạn”	180.460	180.460	180.460	0	0	0	68.972	61.491	49.997

